

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STC-QLG
V/v tổ chức điều tra chi phí
sản xuất và giá thành sản xuất thóc
hàng hóa vụ Chiêm năm 2025

Hải Dương, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố, thị xã

Căn cứ Thông tư số 77/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính quy định về phương pháp điều tra, xác định chi phí sản xuất, tính giá thành sản xuất thóc hàng hoá các vụ sản xuất trong năm;

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về việc điều tra chi phí sản xuất, tính giá thành sản xuất thóc; để nắm bắt thông tin về tình hình sản xuất, chi phí và giá thành sản xuất thóc vụ Chiêm năm 2025 trên địa bàn tỉnh, kịp thời tham mưu đề xuất những biện pháp góp phần bình ổn giá cả thị trường lương thực, ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân trên địa bàn,

Sở Tài chính đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố, thị xã phối hợp triển khai điều tra chi phí sản xuất, tính giá thành sản xuất thóc vụ Chiêm năm 2025 tại địa bàn các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh.

Kế hoạch, nội dung, biểu mẫu phiếu điều tra và bảng tổng hợp của các huyện, thành phố, thị xã có Phụ lục chi tiết kèm theo và được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính (sotaichinh.haiduong.gov.vn). Báo cáo tổng hợp của các huyện, thành phố, thị xã gửi về Sở Tài chính chậm nhất ngày **22/5/2025**.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ trực tiếp với Sở Tài chính (Phòng Quản lý giá) để cùng phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND các huyện, TP, TX (để phối hợp);
- Lưu: VT, QLG.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đồng Kim

**KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐIỀU TRA,
XÁC ĐỊNH CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN XUẤT
THÓC VỤ CHIÊM NĂM 2025**

*(Kèm theo Công văn số /STC-QLG ngày / /2025
của Sở Tài chính)*

I. YÊU CẦU VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Yêu cầu điều tra

- Đảm bảo tính khoa học và tính đại diện: Trên cơ sở điều tra điển hình tại 3 xã/phường kết hợp với điều tra nắm tình hình chung tại các xã/phường đặc biệt là các chỉ tiêu về diện tích, dự kiến năng suất thu hoạch, các khoản chi về vật chất và lao động hao phí để tổng hợp báo cáo phương án chi phí sản xuất và giá thành sản xuất thóc vụ Chiêm năm 2025 cho phù hợp với điều kiện thực tế của huyện, thành phố, thị xã.

- Đảm bảo tính trung thực và chính xác: Cần bố trí lực lượng cán bộ trực tiếp điều tra tại các xã và đến tận các hộ nông dân, kết quả điều tra tại các hộ theo các chỉ tiêu tại phiếu điều tra phải phản ánh đúng thực tế điều tra.

- Đảm bảo thời gian: Việc tiến hành điều tra và tổng hợp báo cáo phải đúng thời gian quy định.

2. Phương pháp điều tra

- Điều tra chi phí sản xuất và giá thành sản xuất thóc hàng hóa vụ Chiêm năm 2025 tại các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh theo phương pháp chọn điểm:

+ Mỗi huyện, thành phố, thị xã lựa chọn tối thiểu 3 xã/phường đại diện cho ba vùng thực tế có sản xuất thóc, gồm: vùng có điều kiện sản xuất thuận lợi, vùng có điều kiện sản xuất trung bình, vùng có điều kiện sản xuất khó khăn kết hợp với tiêu chí về hệ thống sinh thái và hệ thống canh tác thóc.

+ Mỗi địa bàn xã/phường chọn tối thiểu 15 hộ sản xuất thóc đại diện cho ba nhóm hộ sản xuất thóc, gồm: nhóm hộ sản xuất có năng suất cao, nhóm hộ sản xuất có năng suất trung bình và nhóm hộ sản xuất có năng suất dưới trung bình, có kết hợp với các tiêu chí về chất lượng thóc.

- Điều tra chi phí sản xuất và giá thành sản xuất thóc hàng hóa của các hộ sản xuất theo tổng chi phí thực tế các hộ sản xuất đã chi ra trong vụ, quy đổi ra diện tích 1 ha. Trên cơ sở kết quả điều tra tại các hộ sản xuất để tổng hợp chi phí sản xuất, giá thành sản xuất theo địa bàn xã/phường và địa bàn huyện, thành phố, thị xã trên đơn vị diện tích thống nhất là 1 ha.

II. NỘI DUNG ĐIỀU TRA CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ THÀNH SẢN XUẤT THÓC

1. Điều tra chi phí sản xuất thóc thực tế

1.1. Chi phí vật chất

a) Chi phí về giống

- Xác định số lượng giống: Theo số lượng thực gieo của hộ sản xuất tại thời điểm đầu tư, đối chiếu với định mức kinh tế - kỹ thuật (nếu có) để loại trừ số lượng chi không đúng do làm sai quy trình, để hao hụt quá mức trung bình trên địa bàn tỉnh.

- Xác định đơn giá giống: Tùy theo nguồn giống được sử dụng, đơn giá của từng loại giống được xác định theo nguyên tắc phù hợp với giá thị trường tại thời điểm mua bao gồm: giá mua thực tế của các hộ sản xuất, thông báo giá của các công ty giống trên địa bàn, giá mua trên thị trường và chi phí vận chuyển (nếu có). Trường hợp hộ sản xuất tự đề giống thì tính theo giá trị trường hoặc giá mua bán lẫn nhau của hộ sản xuất.

b) Chi phí làm đất

Chi phí làm đất là toàn bộ chi phí làm đất thực tế, hợp lý phát sinh mà hộ sản xuất đã chi trong vụ sản xuất thóc theo quá trình sản xuất (gieo sạ hoặc cấy từ mạ) và những chi phí phát sinh để cải tạo, nâng cao chất lượng của đất (như chi phí san gạt đồng ruộng, xử lý phèn, mặn, khắc phục tình trạng bồi lấp, xói lở) phù hợp với giá thị trường tại thời điểm làm đất.

c) Chi phí phân bón

Chi phí phân bón (đồng) = Số lượng phân bón (kg) x Đơn giá (đồng/kg)

- Xác định số lượng phân bón: Theo số lượng thực tế các hộ sản xuất đã sử dụng trong vụ, có xem xét đối chiếu với hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật (nếu có) và mối quan hệ giữa mức đầu tư và năng suất thóc qua kinh nghiệm nhiều năm của hộ sản xuất, của các cơ quan nông nghiệp, thống kê.

- Xác định đơn giá phân bón: Theo giá thực mua phù hợp với giá thị trường tại thời điểm mua để đầu tư và tính thêm chi phí vận chuyển (nếu có).

d) Chi phí thuốc bảo vệ thực vật

Chi phí thuốc bảo vệ thực vật là toàn bộ chi phí thực tế, hợp lý phát sinh mà hộ sản xuất đã chi ra trong vụ sản xuất, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm mua thuốc bảo vệ thực vật.

đ) Chi phí thuê đất

Chi phí thuê đất là toàn bộ chi phí thực tế hộ sản xuất chi ra để thuê đất trong vụ sản xuất. Trường hợp hộ sản xuất thóc được Nhà nước giao quyền sử dụng đất thì không được tính chi phí thuê đất vào chi phí sản xuất thóc.

e) Chi phí tưới tiêu

Bao gồm toàn bộ chi phí tưới, tiêu và chi phí sửa chữa kênh mương (nếu có) thực tế, hợp lý phát sinh mà hộ sản xuất đã chi ra trong vụ sản xuất, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm sản xuất thóc, áp dụng cho những nơi không có hệ thống thủy lợi và không được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hoặc những nơi có hệ thống thủy lợi và được hỗ trợ tiền sử dụng sản

phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi nhưng vẫn phải chi trả chi phí bơm nước tưới tiêu, trong đó:

- Trường hợp hộ sản xuất phải đi thuê máy bơm nước thì tính theo giá thực thuê, phù hợp với mặt bằng thị trường tại thời điểm sản xuất thóc.

- Trường hợp hộ sản xuất sử dụng máy bơm nước tự có thì tính theo giá thuê tương ứng trên thị trường.

g) Chi phí dụng cụ nhỏ, vật rẻ tiền mau hỏng

Điều tra viên cùng hộ sản xuất thống kê cụ thể các loại dụng cụ nhỏ, vật rẻ tiền phục vụ sản xuất, sau đó tính theo giá thực mua phù hợp với mặt bằng giá thị trường tại thời điểm điều tra và phân bổ cho 02 vụ sản xuất thóc trong năm.

h) Chi phí thu hoạch

Chi phí thu hoạch thóc là toàn bộ chi phí thực tế, hợp lý phát sinh trong quá trình thu hoạch thóc (chi phí vận chuyển, phơi sấy, bao bì...).

i) Chi phí khác

Chi phí khác là các chi phí thực tế, hợp lý phát sinh liên quan đến sản xuất một vụ thóc ngoài các chi phí nêu trên tùy theo điều kiện thực tế của từng vùng sản xuất.

1.2. Chi phí lao động

Chi phí lao động là toàn bộ các chi phí tiền công lao động thực tế, hợp lý phát sinh mà các hộ sản xuất đã chi ra trong một vụ sản xuất thóc, phù hợp với giá công lao động trên thị trường tại thời điểm thuê lao động.

Chi phí lao động được xác định theo thời gian lao động thực tế đã bỏ ra cho từng loại công việc, quy đổi về ngày lao động 8 giờ (ngày công tiêu chuẩn), đơn giá ngày công lao động tính theo giá thuê thực tế trên thị trường phù hợp với từng khâu công việc tại thời điểm sản xuất thóc.

Trường hợp hộ sản xuất thuê dịch vụ tưới tiêu (thuê cả máy, nhiên liệu và công lao động), thuê khoán gọn dịch vụ bảo vệ thực vật (gồm thuốc, thuê máy và công phun), thuê máy gặt đập liên hoàn (gồm máy, công gặt, công tuốt thóc), thuê vận chuyển thóc về nhà và đã hạch toán các khoản chi phí này vào mục Chi phí vật chất thì không được tính vào mục Chi phí lao động.

1.3. Tổng chi phí sản xuất

Bao gồm chi phí vật chất và chi phí lao động trừ đi giá trị sản phẩm phụ thu hồi và các khoản được hỗ trợ.

2. Năng suất thu hoạch

Năng suất thu hoạch được tính trên cơ sở điều tra trực tiếp các hộ sản xuất, có thể kết hợp xem xét số liệu thống kê về năng suất các vụ (năm) liền kề của cơ quan thống kê và xem xét mối quan hệ giữa suất đầu tư với năng suất thóc với hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật (nếu có) và kinh nghiệm theo dõi thực tế nhiều năm của cơ quan nông nghiệp, thống kê.

Đơn vị tính năng suất thu hoạch thống nhất là: kg/ha.

3. Phương pháp xác định giá thành

Giá thành sản xuất bằng tổng chi phí sản xuất chia cho năng suất thu hoạch tính trên 1 đơn vị diện tích. Trên cơ sở đã điều tra chi phí sản xuất của các hộ trong kế hoạch, tiến hành tổng hợp theo diện tích của huyện, thành phố, thị xã, và tính giá thành sản xuất theo đơn vị thống nhất là: đồng/kg.

III. KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kế hoạch triển khai

- Từ ngày 08/5 đến ngày 09/5: Phòng Tài chính- Kế hoạch các huyện, thành phố, thị xã thành lập tổ điều tra, cử cán bộ và triển khai công tác điều tra đến các xã được chọn điểm.

- Từ ngày 10/5 đến ngày 15/5: Tổ điều tra tiến hành điều tra tại các xã/phường, hộ sản xuất.

- Từ ngày 16/5 đến ngày 22/5: Tổng hợp chi phí sản xuất và giá thành lúa của các xã và bình quân chung toàn huyện, thành phố, thị xã; gửi kết quả điều tra, khảo sát và báo cáo tổng hợp về Sở Tài chính.

2. Tổ chức thực hiện

Đây là nhiệm vụ quan trọng của ngành để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh. Đề nghị phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố, thị xã tổ chức điều tra chi phí sản xuất và giá thành sản xuất thóc hàng hóa trên địa bàn; tổng hợp gửi về Sở Tài chính (phòng Quản lý giá) đúng thời gian quy định (gửi toàn bộ phiếu điều tra và bảng tổng hợp chi phí, giá thành sản xuất).

Phòng Quản lý giá có trách nhiệm hướng dẫn và phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố, thị xã trong quá trình triển khai thực hiện./.

SỞ TÀI CHÍNH HẢI DƯƠNG

**PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT, XÁC ĐỊNH CHI PHÍ
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN XUẤT THÓC
VỤ CHIÊM NĂM 2025**

I. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên chủ hộ:.....
Thôn:.....
Xã:
Huyện:
Tỉnh:
Số nhân khẩu trong gia đình:.....người, trong đó lao động chính:
Tình trạng hộ gia đình:
☐ Giàu ☐ Khá ☐ Cận nghèo ☐ Nghèo
Diện tích sản xuất thóc thực tế của hộ:.....hecta.
Thuộc vùng có điều kiện sản xuất:
☐ Thuận lợi ☐ Trung bình ☐ Khó khăn

II. THÔNG TIN VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT THÓC TÍNH TRÊN 1 HECTA

1. Chi phí vật chất:

1.1. Chi phí giống:

Tên giống thóc	Số lượng (kg)	Đơn giá (đồng/kg)	Thành tiền (đồng)
Tổng cộng			

1.2. Chi phí làm đất (các chi phí liên quan để cải tạo đất, nâng cao chất lượng của đất như chi phí san gạt đồng ruộng, xử lý phèn, mặn; khắc phục tình trạng bồi lấp, xói lở...):

1.3. Chi phí phân bón:

Loại phân	Số lượng (kg hoặc lít)	Đơn giá (đồng/kg, lít)	Thành tiền (đồng)
A. Phân bón nền			
Đạm urê			
Lân			
Kali			
NPK			
Phân khác			

B. Phân bón lá			
Tổng cộng			

1.4. Chi phí thuốc bảo vệ thực vật:

Tên thuốc	Loại thuốc	Số lượng (chai, gói, bao, lít, kg)	Đơn giá (đồng/chai, gói, bao, lít, kg)	Thành tiền (đồng)
Thuốc trừ sâu				
Thuốc trừ cỏ				
Thuốc trừ bệnh				
Thuốc khác				
Tổng cộng				

1.5. Chi phí thuê đất (nếu có):

1.6. Chi phí tưới tiêu:

Chi phí	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
A. Chi phí sửa chữa kênh mương (nếu có)			
B. Chi phí tưới			
1. Chi phí nhiên liệu	(lít/kwh)	(đồng/lít, kwh)	
Xăng			
Dầu			
Điện			
2. Chi phí thuê bơm (đồng)			

C. Chi phí thuê dịch vụ tưới (nếu thuê trọn gói)			
Tổng cộng			

1.7. Chi phí khấu hao tài sản cố định:

1.8. Chi phí dụng cụ nhỏ, vật rẻ tiền mau hỏng:

1.9. Chi phí dịch vụ thủy lợi (nếu có)

1.10. Chi phí lãi vay từ tổ chức tín dụng (nếu có):

Chi phí	Mục đích vay	Số tiền vay	Kỳ hạn vay	Lãi suất	Tổng lãi
1. Vay từ tổ chức tín dụng					
2. Vay từ nguồn khác (cụ thể là từ nguồn nào: vay lãi, mua chịu có tính lãi, vay của hợp tác xã nông nghiệp...)					
Tổng cộng					

1.11. Chi phí thu hoạch (*thuê máy gặt, vận chuyển, bao bì thu hoạch, phơi, sấy*):

1.12. Chi phí khác (nếu có):

1.13. Tổng chi phí vật chất:

(1.1+1.2+1.3+1.4+1.5+1.6+1.7+1.8+1.9+1.10+1.11+1.12) =

2. Chi phí lao động:

Khoản mục	Lao động gia đình (ngày công)			Lao động thuê ngoài (ngày công)			Đơn giá ngày công (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Số ngày công thực tế	Số giờ/ ngày công thực tế	Tổng số ngày công tiêu chuẩn	Số ngày công thực tế	Số giờ/ ngày công thực tế	Tổng số ngày công tiêu chuẩn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9= 8x(4+7)

Làm đất - sử bò (trục, xới, cày, bừa...)								
Ngâm ủ giống								
Gieo mạ, nhổ mạ và gieo sạ (hoặc cấy)								
Dặm thóc								
Làm cỏ								
Bón phân								
Bơm nước								
Phun thuốc BVTV								
Gặt								
Tuốt thóc								
Vận chuyển								
Phơi thóc, sấy thóc								
Thăm đồng								
Công khác								
Tổng cộng								

Ghi chú:

- Giá trị cột 4 bằng giá trị cột 2 nhân giá trị cột 3 và chia cho 8 giờ.
- Giá trị cột 7 bằng giá trị cột 5 nhân giá trị cột 6 và chia cho 8 giờ.
- Nếu đã tính chi phí thuê máy gặt đập liên hoàn và thuê vận chuyển theo hecta khi thu hoạch thì không tính công gặt, tuốt và vận chuyển thóc.
- Nếu đã tính chi phí thuê bơm nước khoán gọn theo diện tích hoặc theo giờ trong chi phí tưới tiêu thì không tính công lao động bơm nước.
- Trường hợp công gặt, tuốt thóc và vận chuyển không tách riêng được thì tính gộp thành 01 khoản mục chung.

3. Giá trị sản phẩm phụ thu hồi (nếu có):

- Phụ thu rơm rạ:.....
- Phụ thu khác:.....

4. Giá trị các khoản được hỗ trợ (nếu có):

5. Tổng chi phí (1+2+3-4):.....đồng.

III. TỔNG NĂNG SUẤT VÀ TỔNG THU

Loại	Năng suất (kg/ha)	Giá bán (đồng/kg)	Tổng thu (đồng)
Thóc khô			
Thóc tươi			
Tổng cộng			

IV. GIÁ THÀNH SẢN XUẤT

Giá thành sản xuất (Tổng chi phí/Tổng năng suất) =đồng/kg.

V. LỢI NHUẬN

Lợi nhuận (Tổng thu - Tổng chi phí) =đồng.

**XÁC NHẬN CỦA ĐỊA BÀN
KHẢO SÁT**

CHỦ HỘ
(ký, ghi rõ họ tên)

ĐIỀU TRA VIÊN
(ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN XUẤT THÓC VỤ CHIÊM NĂM 2025

Xã:.....Thuộc huyện:

Tổng số mẫu điều tra:....., trong đó:.....hộ, thuộc.....thôn.

Tính trên diện tích bình quân 1 hecta.

STT	Khoản mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Chi phí vật chất 1 ha	đồng			
1	Giống	kg			
2	Chi phí làm đất	đồng			
3	Phân bón				
	- Urê	kg			
	- DAP	kg			
	- Lân	kg			
	- Ka li	kg			
	- NPK	kg			
	- Phân bón lá	kg			
	- Phân khác (hữu cơ, hữu cơ vi sinh, hữu cơ sinh học, vi sinh)	kg hoặc lít			
4	Chi phí khấu hao TSCĐ	đồng			
5	Chi phí thuốc bảo vệ thực vật				
	- Trừ sâu	đồng			
	- Trừ bệnh	đồng			
	- Diệt cỏ	đồng			
	- Khác	đồng			
6	Chi phí thuê đất (nếu có)				
7	Chi phí tưới, tiêu				
	- Xăng, dầu, điện (*)	đồng			
	- Thuê bơm (**)	đồng			
	- Sửa chữa kênh mương (nếu có)	đồng			
8	Chi phí dụng cụ nhỏ, vật rẻ tiền mau hỏng	đồng			
9	Chi phí dịch vụ thủy lợi (nếu có)	đồng			
10	Chi phí lãi vay từ các tổ chức tín dụng (nếu có)	đồng			

11	Chi phí thu hoạch (thuê máy gặt, vận chuyển, bao bì, phơi sấy...)	đồng			
12	Chi phí khác	đồng			
II	Chi phí lao động	công			
	- Làm đất - sửa bờ (cày, bừa, trục)	công			
	- Ngâm ủ giống	công			
	- Gieo mạ, nhổ mạ và gieo sạ (hoặc cấy)	công			
	- Dặm thóc	công			
	- Làm cỏ	công			
	- Bón phân	công			
	- Bơm nước	công			
	- Phun thuốc BVTV	công			
	- Gặt	công			
	- Tuốt thóc	công			
	- Vận chuyển	công			
	- Phơi thóc, sấy thóc	công			
	- Thăm đồng (nếu có)	công			
	- Công khác	công			
III	Giá trị sản phẩm phụ thu hồi (nếu có)	đồng			
IV	Các khoản được hỗ trợ (nếu có)	đồng			
V	Tổng chi phí sản xuất 1 ha (I+II+III-IV)	đồng			
VI	Năng suất 1 ha	kg			
VII	Giá thành sản xuất (V:VI)	đồng/kg			
VIII	Giá bán thóc	đồng/kg			
1	Thóc khô	đồng/kg			
2	Thóc tươi	đồng/kg			
IX	Tổng doanh thu	đồng			
X	Lợi nhuận	đồng			
1	Lợi nhuận so với chi phí sản xuất	%			
2	Lợi nhuận so với tổng doanh thu	%			

NGƯỜI TỔNG HỢP

CHỦ TỊCH UBND XÃ

Ghi chú:

- (*) và (**): Nếu thuê bơm nước khoán gọn theo diện tích hoặc theo giờ thì không tính công lao động bơm nước vào mục chi phí lao động.
- (***) : Nếu thuê máy gặt đập liên hoàn và thuê vận chuyển theo hecta thì không tính công gặt, tuốt và vận chuyển thóc trong mục chi phí lao động.
- Trường hợp công gặt, tuốt thóc và vận chuyển không tách riêng được thì tính gộp thành 01 khoản mục chung.

TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN XUẤT THÓC VỤ CHIÊM NĂM 2025

Huyện:
 Tổng số mẫu điều tra:....., trong đó:.....hộ, thuộc.....xã.
 Tính trên diện tích bình quân 1 hecta.

STT	Khoản mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Chi phí vật chất 1 ha	đồng			
1	Giống	kg			
2	Chi phí làm đất	đồng			
3	Phân bón				
	- Urê	kg			
	- DAP	kg			
	- Lân	kg			
	- Ka li	kg			
	- NPK	kg			
	- Phân bón lá	kg			
	- Phân khác (hữu cơ, hữu cơ vi sinh, hữu cơ sinh học, vi sinh)	kg hoặc lít			
4	Chi phí khấu hao TSCĐ	đồng			
5	Chi phí thuốc bảo vệ thực vật				
	- Trừ sâu	đồng			
	- Trừ bệnh	đồng			
	- Diệt cỏ	đồng			
	- Khác	đồng			
6	Chi phí thuê đất (nếu có)				
7	Chi phí tưới, tiêu				
	- Xăng, dầu, điện (*)	đồng			
	- Thuê bơm (**)	đồng			
	- Sửa chữa kênh mương (nếu có)	đồng			
8	Chi phí dụng cụ nhỏ, vật rẻ tiền mau hỏng	đồng			
9	Chi phí dịch vụ thủy lợi (nếu có)	đồng			
10	Chi phí lãi vay từ các tổ chức tín dụng (nếu có)	đồng			
11	Chi phí thu hoạch (thuê máy gặt, vận chuyển, bao bì, phơi sấy) (***)	đồng			
12	Chi phí khác	đồng			

II	Chi phí lao động	công			
	- Làm đất - sửa bờ (cày, bừa, trục)	công			
	- Ngâm ủ giống	công			
	- Gieo mạ, nhổ mạ và gieo sạ (hoặc cấy)	công			
	- Dặm thóc	công			
	- Làm cỏ	công			
	- Bón phân	công			
	- Bơm nước	công			
	- Phun thuốc BVTV	công			
	- Gặt	công			
	- Tuốt thóc	công			
	- Vận chuyển	công			
	- Phơi thóc, sấy thóc	công			
	- Thăm đồng (nếu có)	công			
	- Công khác	công			
III	Giá trị sản phẩm phụ thu hồi (nếu có)	đồng			
IV	Các khoản được hỗ trợ (nếu có)	đồng			
V	Tổng chi phí sản xuất 1 ha (I+II+III-IV)	đồng			
VI	Năng suất 1 ha	kg			
VII	Giá thành sản xuất (V:VI)	đồng/kg			
VIII	Giá bán thóc	đồng/kg			
1	Thóc khô	đồng/kg			
2	Thóc tươi	đồng/kg			
IX	Tổng doanh thu	đồng			
X	Lợi nhuận	đồng			
1	Lợi nhuận so với chi phí sản xuất	%			
2	Lợi nhuận so với tổng doanh thu	%			

NGƯỜI TỔNG HỢP

**PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH
TRƯỞNG PHÒNG**

Ghi chú:

- (*) và (**): Nếu thuê bơm nước khoán gọn theo diện tích hoặc theo giờ thì không tính công lao động bơm nước vào mục chi phí lao động.
- (***) : Nếu thuê máy gặt đập liên hoàn và thuê vận chuyển theo hecta thì không tính công gặt, tuốt và vận chuyển thóc trong mục chi phí lao động.
- Trường hợp công gặt, tuốt thóc và vận chuyển không tách riêng được thì tính gộp thành 01 khoản mục chung.